

Số: 705 /GPMT-UBND

Cao Bằng, ngày 27 tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần thủy điện Đông Bắc tại Văn bản số 21/2025/CV-ĐB ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và giải trình nội dung chỉnh sửa của Dự án Nhà máy thủy điện Bản Rạ, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1624/TTr-SNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần thủy điện Đông Bắc, địa chỉ: Tổ 2 đường Pác Bó, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng tỉnh Cao Bằng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy thủy điện Bản Rạ, xã

Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư.

1.1. Tên Dự án: Nhà máy thủy điện Bản Rạ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4800164283, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 10/5/2007 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/10/2014; Giấy chứng nhận đầu tư số 11121000036, do UBND tỉnh Cao Bằng cấp chứng nhận lần đầu ngày 18/9/2007 và cấp chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 30/3/2009.

1.4. Mã số thuế: 4800164283.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất điện (Nhà máy thủy điện).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án đầu tư.

- Phạm vi dự án: Tổng nhu cầu sử dụng đất của dự án là 105.691,7 m² (theo Hợp đồng thuê đất số 62/HĐ-TĐ ngày 27/11/2018 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và bên thuê đất là Công ty cổ phần thủy điện Đông Bắc).

- Loại công trình: Công trình năng lượng - Công trình thủy điện; cấp công trình: Công trình cấp III; nhóm Dự án: Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Nhóm dự án theo quy định: Dự án đầu tư nhóm I theo quy định (gồm: Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ:

- Công suất Dự án: Công suất lắp máy là 18,0 MW với 03 tổ máy, mỗi tổ máy có công suất là 6,0 MW và điện lượng trung bình năm (E_o) đạt 71,2 triệu kWh.

- Công nghệ sản xuất: Sử dụng năng lượng nước để phát điện, khai thác nguồn nước theo kiểu kênh dẫn với tuyến đập dâng kết hợp đập tràn tự do xây dựng chặn dòng sông Quây Sơn và nhà máy được đặt phía sau kênh dẫn, nước sau khi phát điện được trả lại sông Quây Sơn theo kênh dẫn phía sau nhà máy.

+ Sơ đồ công nghệ: Nước sông Quây Sơn → Đập dâng → Cửa lấy nước → Kênh dẫn bê tông → Bể áp lực → Đường ống áp lực → Nhà máy (tuabin) → Tạo ra điện năng → Nước sau khi phát điện được xả ra kênh xả sau Nhà

máy → Chảy ra sông Quây Sơn.

+ Thuyết minh công nghệ sản xuất: Nước sông Quây Sơn dẫn vào hồ chứa (được hình thành bằng đập dâng), được tiếp nhận bằng cửa lấy nước (*cao trình ngưỡng cửa lấy nước là 426,30 m, chiều dài là 19,9m, lưu lượng thiết kế là 83,44 m³/s*); sau đó, chảy theo kênh dẫn (bằng bê tông, chiều dài là 900m) đến bể áp lực (*ở cuối kênh dẫn, đầu đường ống áp lực*); tại bể áp lực, nước được chảy mạnh theo đường ống áp lực làm quay Tuabin của máy phát điện, tạo ra điện năng, đưa qua máy biến áp của trạm phân phối điện tạo ra dòng điện cao thế và đấu nối vào mạng lưới điện quốc gia. Nước sau khi làm quay Tuabin xả qua kênh dẫn phía sau Nhà máy và chảy ra sông Quây Sơn.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo.

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với môi trường không khí quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần thủy điện Đông Bắc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần thủy điện Đông Bắc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Cao Bằng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Cao Bằng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **7 năm** (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày **27** tháng 5 năm 2032).

Điều 4. Giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân địa phương nơi thực hiện Dự án tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cty CP thủy điện Đông Bắc;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Trùng Khánh;
- UBND xã Đàm Thủy, h. Trùng Khánh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Trung tâm thông tin tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, CN_(TH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

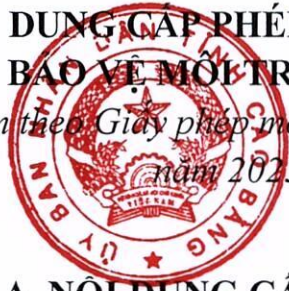


Hoàng Văn Thạch

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **705** /GPMT-UBND ngày **27** tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI.

1. Nguồn phát sinh nước thải.

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt.

- Nguồn số 01: Nước thải vệ sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà máy.
- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh, tắm giặt từ khu vực nhà ở công nhân và nước thải sinh hoạt khu vực nhà bếp.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất.

- Nguồn số 03: Nước làm mát dầu bôi trơn gối đỡ và dầu thủy lực.
- Nguồn số 04: Nước thải rò rỉ qua các gian máy có nhiễm dầu, mỡ.

Đối với nguồn số 03 là nước thải làm mát (nước trao đổi nhiệt), không sử dụng hóa chất và nhiệt độ sau khi làm mát được thiết kế luôn nhỏ hơn 35⁰C nên không thuộc đối tượng đề nghị cấp phép.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

2.1. Dòng thải 01: Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01).

2.1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải.

Nước sông Quây Sơn sau kênh xả nhà máy về phía hạ lưu.

2.1.2. Vị trí xả thải.

- Vị trí: Ống xả sau bể tự hoại khu vực nhà máy thuộc xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Tọa độ vị trí điểm xả: X(m) = 2529582; Y(m) = 598189 (sử dụng hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰).

2.1.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: Khoảng 0,53 m³/ngày đêm, tương đương tính trung bình khoảng 0,022 m³/giờ.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn, phụ thuộc vào hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tại Dự án.

2.2. Dòng thải 02: Nước thải sinh hoạt (nguồn số 02).

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải.

Nước sông Quây Sơn sau kênh xả nhà máy về phía hạ lưu.

2.2.2. Vị trí xả thải.

- Vị trí: Ống xả sau bể tự hoại khu vực nhà ở công nhân và nhà bếp thuộc xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Tọa độ vị trí điểm xả: $X(m) = 2529061$; $Y(m) = 597294$ (sử dụng hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: Khoảng $0,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm, tương đương tính trung bình khoảng $0,033 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn, phụ thuộc vào hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tại Dự án.

- Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi thải vào nguồn tiếp nhận của các dòng thải (Dòng thải số 01 và số 02) phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (**cột B**), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

2.3. Dòng thải 03: Nước thải rò rỉ qua các gian máy có nhiễm dầu, mỡ (nguồn số 04).

2.3.1. Nguồn tiếp nhận nước thải.

Nước sông Quây Sơn sau kênh xả nhà máy về phía hạ lưu.

2.3.2. Vị trí xả thải.

- Vị trí: Ống xả sau hệ thống bơm nước thải nhiễm dầu sau nhà máy thuộc xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Tọa độ vị trí điểm xả: $X(m) = 2529577$; $Y(m) = 598174$ (sử dụng hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.4.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: Khoảng $131,76 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương tính trung bình khoảng $5,49 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Phương thức xả nước thải: Cường bức.

- Chế độ xả nước thải: Xả thải gián đoạn, phụ thuộc vào khối lượng nước thải phát sinh cần phải xử lý; thời gian bơm 01 giờ/ngày.

- Chất lượng nước thải trước khi thải vào nguồn tiếp nhận của các dòng thải (Dòng thải số 04) phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng chất thải công nghiệp (**cột B**), cụ thể như sau.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ
2	pH	-	5,5 - 9	
3	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	50	
4	COD	mg/l	150	
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
8	Tổng Nitơ	mg/l	40	
9	Sunfua	mg/l	0,5	
10	Đồng	mg/l	2	
11	Kẽm	mg/l	3	
12	Sắt	mg/l	5	
13	Mangan	mg/l	1	

14	Niken	mg/l	0,5	
15	Florua	mg/l	10	
16	Clorua	mg/l	1.000	
17	Crom (III)	mg/l	1	
18	Crom (VI)	mg/l	0,1	
19	Tổng Xianua	mg/l	0,1	
20	Tổng Phenol	mg/l	0,5	
21	Tổng Phốt pho (Tính theo P)	mg/l	6	
22	Coliform	Vi khuẩn /100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa và xử lý nước thải.

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước.

1.1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa.

- Khu vực nhà máy và trạm biến áp: Nước mưa trên mái nhà máy được thu gom qua máng tôn trên mái được dẫn bằng ống PVC D110 mm xuống các rãnh thoát nước khu vực xung quanh nhà máy và nước mưa trên toàn bộ khu vực mặt bằng sân bê tông khu vực trạm biến áp được chảy theo bề mặt địa hình về rãnh xây thu gom, thoát nước mưa có chiều dài 122 m, kích thước (rộng x sâu) là (0,8 x 0,6) m; nước mưa khu vực nhà máy đầu nối với rãnh thoát nước mưa khu vực nhà ở công nhân, nhà bếp tại 01 hố ga lắng cặn, sau đó thoát ra kênh xả phía hạ lưu nhà máy.

- Khu vực nhà ở công nhân, nhà ăn: Nước mưa trên mái nhà máy được thu gom qua máng tôn trên mái dẫn bằng ống PVC D90 mm xuống các rãnh thoát nước khu nhà ở công nhân, nhà ăn và toàn bộ nước mưa chảy tràn bề mặt sân trước khu nhà ở công nhân, được chảy theo bề mặt địa hình về rãnh xây chiều dài khoảng 126 m, kích thước (rộng x sâu) là (0,5 x 0,5) m; nước mưa khu vực nhà ở công nhân, nhà ăn đầu nối với rãnh thoát nước mưa của khu vực nhà máy tại 01 hố ga lắng cặn và tại hố ga lắng cặn có đặt song chắn rác, sau đó nước mưa thoát ra kênh xả phía hạ lưu nhà máy.

1.1.2. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải.

a) Nước thải sinh hoạt.

- Khu vực nhà máy: Nước thải vệ sinh được thu gom về bể tự hoại 03

ngăn tại nhà máy để xử lý; nước thải sau xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn chảy theo ống nhựa thoát ra kênh xả phía sau nhà máy về phía hạ lưu và chảy ra sông Quây Sơn.

- Khu vực nhà ở công nhân, nhà ăn:

+ Nước thải vệ sinh được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn đặt tại phía cuối dãy nhà ở công nhân để xử lý; nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại được chảy theo ống nhựa và đầu nối với nước thải sinh hoạt khu vực nhà ăn thoát ra kênh xả phía sau nhà máy về phía hạ lưu và chảy ra sông Quây Sơn.

+ Nước thải tắm giặt, nhà ăn: Chảy theo ống nhựa và đầu nối với nước thải bể tự hoại khu vực nhà ở công nhân thoát ra kênh xả phía sau nhà máy về phía hạ lưu và chảy ra sông Quây Sơn.

b) Nước thải sản xuất.

- Nước không lẫn dầu: Nước làm mát (nước trao đổi nhiệt) để giảm nhiệt dầu gối máy phát và gối tuabin của 03 tổ máy được lấy từ sông Quây Sơn. Sau khi làm mát, nước lại được dẫn ra kênh xả bằng ống thép Ø150 mm dẫn về kênh phía hạ lưu nhà máy, chảy vào nguồn tiếp nhận là sông Quây Sơn.

- Nước thải lẫn dầu: Phát sinh từ trong quá trình vận hành (*nước rò rỉ từ gian nhà máy có nhiễm dầu*) được thu gom tự chảy theo độ dốc mặt sàn và ống thép về bể thu gom, tại bể thu gom bố trí các gô, phao thăm dầu; nước thải sau khi tách dầu được bơm cưỡng bức bằng máy bơm xả ra kênh xả phía hạ lưu và chảy vào nguồn tiếp nhận sông Quây Sơn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

1.2.1. Nước mưa chảy tràn.

- Quy trình thu gom, thoát nước: Nước mưa chảy tràn (mái nhà, sân khu vực nhà máy và nhà ở công nhân) → Hệ thống thu gom, thoát nước mưa → Hồ ga, song chắn rác → Kênh xả sau nhà máy phía hạ lưu → Sông Quây Sơn.

- Số lượng công trình: 01 hệ thống ống PVC D110 thu gom nước trên mái nhà khu vực nhà máy; 01 hệ thống ống PVC D90 thu gom nước trên mái nhà khu vực nhà ở công nhân, nhà ăn; 01 hệ thống rãnh xây chiều dài 122 m, kích thước (rộng x sâu) là (0,8 x 0,6) m; 01 hệ thống rãnh xây chiều dài 126 m, kích thước (rộng x sâu) là (0,5 x 0,5) m; 01 hồ ga lắng cặn, kích thước (dài x rộng x sâu) là (1,0 x 1,0 x 1,0) m, kết cấu rãnh thoát nước, hồ ga: Xây gạch vữa xi măng, trát láng rãnh vữa xi măng, đáy bê tông đá dăm và có nắp đậy; 01 song chắn rác bằng thép.

- Hoá chất sử dụng: Không.

1.2.2. Nước thải sinh hoạt.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước thải vệ sinh khu vực nhà máy: Bể tự hoại 03 ngăn (bể 8 m³) → Ống nhựa → Kênh xả sau nhà máy phía hạ lưu → Sông Quây Sơn.

+ Nước thải vệ sinh khu nhà ở công nhân: Bể tự hoại 03 ngăn (bể 4 m³) → Ống nhựa, đầu nối với nước thải tắm giặt, nhà ăn → Kênh xả sau nhà máy phía hạ lưu → Sông Quây Sơn.

- Số lượng công trình:

+ Khu vực nhà máy: 01 ống nhựa PCV D110, chiều dài khoảng 32,5 m; 01 bể tự hoại 03 ngăn, thể tích khoảng 8 m³, kích thước (dài x rộng x sâu) là (2,0 x 2,0 x 2,0) m; 01 ống nhựa PCV D110, chiều dài khoảng 3,0 m.

+ Khu vực nhà ở công nhân, nhà ăn: 01 ống PVC D110, chiều dài khoảng 20 m; 01 bể tự hoại 03 ngăn, thể tích khoảng 4 m³, kích thước (dài x rộng x sâu) là (2,0 x 1,0 x 2,0) m; 01 ống nhựa PVC D110, chiều dài 6,0 m và 01 ống nhựa PVC D110, chiều dài 50 m đầu nối với ống nhựa sau bể tự hoại thể tích 04 m³ thoát nước thải nhà ăn, tắm giặt.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm vi sinh, liều lượng sử dụng 06 tháng/lần bổ sung vào bể tự hoại để xử lý.

- Định kỳ 01 năm/lần, hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút chất thải bể tự hoại theo quy định.

1.2.3. Nước thải lẫn dầu.

- Quy trình thu gom, xử lý: Nước thải nhiễm dầu → Ống thép/mặt sàn (tự chảy) → Bể thu gom → Gối, phao thấm dầu → Bơm cưỡng bức → Kênh xả của nhà máy phía hạ lưu → Sông Quây Sơn.

- Số lượng công trình: 01 ống thép D75, chiều dài 25 m; 01 bể thu gom, thể tích khoảng 42,12 m³; 40 cái gối thấm dầu, kích thước (dài x rộng) là (0,4 x 0,5) m; 04 cái phao thấm dầu, kích thước dài 4 m; 02 bơm nước thải công suất 7,5 kW/cái, lưu lượng 80 m³/giờ/cái (gồm: 01 bơm hoạt động thường xuyên; 01 bơm dự phòng); 01 ống sắt D75, chiều dài khoảng 10 m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố.

1.4.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ nước thải, dầu thải.

a) Sự cố rò rỉ tràn dầu từ cửa tuabin.

Thực hiện đúng quy trình bảo dưỡng tuabin, đảm bảo tuabin đã được lau

khô trước khi đưa vào vận hành; nước thải, dầu thải được thu gom về khu vực xử lý nước thải rò rỉ trong quá trình hoạt động theo đúng quy trình vận hành nhà máy. Trong trường hợp xảy ra sự cố, lượng dầu máy rò rỉ từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị được thu gom bằng thùng phuy dung tích 200 lít, lưu giữ tập trung tại khu vực lưu giữ CTNH của Dự án. Định kỳ, hợp đồng đơn vị có chức năng tiến hành vận chuyển, xử lý cùng với các loại CTNH khác.

b) Sự cố dò rỉ dầu trạm biến áp.

- Công trình, thiết bị ứng phó sự cố: Đào các rãnh thu dầu sự cố bao quanh 02 máy biến áp với tổng chiều dài các rãnh là 66 mét, kích thước (rộng x sâu) là (0,3 x 0,4) m; đầu tư 02 bể chứa ở cạnh 02 máy biến áp, thể tích mỗi bể khoảng 2,8 m³, kích thước mỗi bể (dài x rộng x sâu) là (2x2x0,7) m; 01 hố chứa cát, diện tích khoảng 11 m².

- Phương thức thực hiện: Dầu thải khi xả ra sự cố được thu gom về 02 bể chứa và hút vào các thùng phuy dung tích 200 lít, lưu giữ chất thải nguy hại; định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý cùng với các loại CTNH khác theo quy định.

c) Sự cố công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Đảm bảo vận hành các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật; Bố trí công nhân kỹ thuật được đào tạo để vận hành các máy bơm thoát nước thải sản xuất; Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế máy móc, thiết bị xuống cấp của các công trình xử lý nước thải đảm bảo công trình xử lý nước thải hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đối với sự cố do vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống thu gom nước thải hoặc hỏng hóc các máy móc, thiết bị xử lý nước thải sẽ dừng ngay hoạt động sản xuất và các công trình xử lý chất thải, để tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục kịp thời, hiệu quả đảm bảo nước thải phải được xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

1.4.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố khác.

a) Sự cố cháy nổ.

Niêm yết nội quy phương án PCCC, đặt biển báo cấm lửa, cấm hút thuốc niêm yết tại vị trí dễ thấy để mọi người thực hiện. Tăng cường các biện pháp giáo dục ý thức chấp hành nội quy PCCC cho cán bộ công nhân viên, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc chấp hành nội quy PCCC đã đề ra. Thường xuyên kiểm tra tại các khu vực có nhiều chất dễ cháy, hạn chế đến mức thấp nhất không để phát sinh tia lửa. Đầu tư hệ thống PCCC gồm: Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy bằng nước, bình chữa cháy xách tay...

b) Sự cố tai nạn lao động.

Niên yết nội quy an toàn lao động và bắt buộc công nhân phải tuân thủ nghiêm túc thực hiện. Tuyệt đối tuân thủ các quy định quy phạm về sử dụng, vận hành, bảo quản các thiết bị điện, thiết bị áp lực. Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định; định kỳ kiểm tra và giám sát sức khỏe cho công nhân, kịp thời phát hiện các bệnh nghề nghiệp. Tuyên truyền, tập huấn cho công nhân về vệ sinh an toàn lao động.

c) Sự cố về điện và đường dây tải điện.

Trang bị các thiết bị cắt sét như van chống sét... để cắt bớt biên độ đỉnh và thoát hoàn toàn năng lượng sét xuống đất một cách an toàn; thường xuyên kiểm tra nắm vững tình hình, chất lượng các phụ kiện, thiết bị đường dây, bảo dưỡng sửa chữa thay thế kịp thời các phụ kiện thiết bị đường dây nhằm giảm bớt sự cố khách quan, xử lý kịp thời các sự cố xảy ra. Vận động tuyên truyền nhân dân dọc tuyến đường dây tham gia bảo vệ đường dây truyền tải điện; cây xanh trong hành lang an toàn đường dây luôn được chặt, phát không chế đảm bảo khoảng cách từ điểm cao nhất của cây theo chiều thẳng đứng đến độ cao của dây dẫn thấp nhất khi đang ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn 2 m. Xử lý các dây có khả năng gây sự cố cho đường dây; tuân thủ thiết kế và các quy định của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành luật điện lực về an toàn điện về an toàn điện, đảm bảo an toàn hành lang đường điện. Trong trường hợp xảy ra sự cố, tiến hành cắt điện và bố trí công nhân kịp thời khắc phục, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.

d) Sự cố đường ống, kênh dẫn.

Thường xuyên cử cán bộ kiểm tra, giám sát đường ống, kênh dẫn định kỳ để kịp thời phát hiện rò rỉ và đưa ra các biện pháp khắc phục, đảm bảo cho hoạt động của nhà máy. Trường hợp khi xảy ra sự cố khẩn trương thông báo đến Ban chỉ huy PCTT&TKCN, các cơ quan, đơn vị có liên quan và cơ quan chuyên môn khẩn trương tiến hành ngay việc khắc phục, sửa chữa; Chủ động triển khai Phương án di dời người và tài sản đến khu vực an toàn; Báo cáo kịp thời đến cấp thẩm quyền để được chỉ đạo và xin hỗ trợ từ các lực lượng vũ trang trên địa bàn; tiếp cận thông tin từ Chủ dự án để phối hợp triển khai ngay các biện pháp ứng phó phù hợp với từng tình huống nhằm hạn chế tác hại lũ lụt vùng hạ du; bố trí lực lượng và phương tiện để sẵn sàng thực hiện ứng cứu.

đ) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở.

Thực hiện kiểm tra, giám sát hiện tượng sạt lở bờ hồ, giám sát bồi lắng lòng hồ định kỳ 03 tháng/lần, kịp thời phát hiện những vị trí có khả năng sạt lở để có biện pháp xử lý phù hợp; phối hợp với chính quyền địa phương ra thông báo nghiêm cấm chặt phá cây, thực hiện các biện pháp quản lý và bảo vệ, góp

phần làm tăng độ che phủ của cây xanh, đồng thời chống sạt lở khu vực bờ hồ tại khu vực ven bờ hồ, phối hợp với chính quyền địa phương và di chuyển dân ra khỏi khu vực nguy hiểm (nếu có).

e) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do thiên tai, an toàn đập trong mùa mưa lũ.

Xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện và thực hiện nghiêm túc theo Phương án được phê duyệt.

f) Biện pháp giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn vùng hạ du.

- Vận hành công trình đảm bảo không làm thay đổi tổng lượng nước chảy về hạ du trong ngày, xả dòng chảy tối thiểu về hạ du theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 256/GP-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 25/7/2023, đảm bảo không nhỏ hơn 2,73 m³/s và khi có yêu cầu cấp nước gia tăng về hạ du của UBND tỉnh Cao Bằng, Chủ Dự án phải xả nước về hạ du sông Quây Sơn theo yêu cầu.

- Thực hiện nghiêm túc theo quy trình vận hành hồ chứa Nhà máy thủy điện Bản Rạ đã được Công ty cổ phần thủy điện Đông Bắc phê duyệt tại Quyết định số 33a/2022/QĐ-ĐB ngày 26/10/2022.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm g khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm nêu tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các quy định về giá trị giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam, yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường và dừng ngay mọi hoạt động sản xuất để khắc phục.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **705** /GPMT-UBND ngày **27** tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI.

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (không có nguồn khí thải, bụi cố định xả ra ngoài môi trường).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI.

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; trồng cây xanh tạo cảnh quan, bóng mát trong khuôn viên Dự án, nhằm giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh ra ngoài khu vực Dự án.

- Vào những ngày khô hanh hoặc gió lớn, phun nước trong khu vực khuôn viên nhà máy để giảm thiểu phát tán bụi, khí thải; tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên.

- Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam về môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **705** /GPMT-UBND ngày **27** tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG.**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.**

- Nguồn số 01: Khu vực đặt 03 tổ máy tuabin.
- Nguồn số 02: Trạm biến áp.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong khu vực nhà máy tại xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Vị trí 01: Tương ứng với vị trí đặt 03 tổ máy tuabin, tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: $X(m) = 2529085$; $Y(m) = 597290$ (sử dụng theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Vị trí 02: Tương ứng với vị trí đặt trạm biến áp, tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: $X(m) = 2529069$; $Y(m) = 597233$ (sử dụng theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Giá trị giới hạn.

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung gồm QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG.

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.
- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 705 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI.

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh.

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên.

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	4,0
2	Pin thải	Rắn	16 01 12	1,0
3	Các loại dầu mỡ độc hại thải	Lỏng	16 01 18	3,0
4	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06	650
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	70
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	80
Tổng khối lượng				808

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Chất thải rắn trôi nổi lòng hồ khu vực cửa lấy nước	1.000
2	Bùn thải từ hoạt động nạo vét các công trình thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn và nước thải	30
Tổng khối lượng		1.030

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	0,73
Tổng khối lượng		0,73

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại.

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại.

2.1.1. Thiết bị lưu chứa.

Gồm 02 thùng phuy, dung tích 200 lít; 02 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 100 lít; 02 thùng nhựa, dung tích 60 lít. Các thùng chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã CTNH và biển cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa.

- Bố trí khu vực lưu giữ CTNH diện tích khoảng 9,25 m² trong mặt bằng nhà máy, kích thước (dài x rộng) là (3,7 x 2,5) m, kết cấu: Tường xây gạch chỉ, mái đổ bê tông và nền lát gạch men chống thấm.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như: Cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý để xử lý chất thải nguy hại theo quy định, tần suất 01 năm/lần hoặc khi có phát sinh chất thải nguy hại đột xuất.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.1. Thiết bị lưu chứa.

- Chất thải rắn trôi nổi lòng hồ: Không có.
- Bùn thải: Lưu chứa tại các hố ga, hố thu gom, bể lắng, bể tự hoại.

2.2.2. Biện pháp thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn trôi nổi lòng hồ:

- Chất thải rắn trôi nổi lòng hồ: Quây lưới thép B40, cao 1,2 m xung quanh khu vực cửa lấy nước, diện tích khoảng 6 m². Tại cửa lấy nước, bố trí lưới chắn rác và gầu vớt rác trôi dạt vào cửa lấy nước. Chất thải là thân cây gỗ tạp, tre, nứa cho công nhân và người dân địa phương tận dụng làm chất đốt; Chất thải là lá cây, rễ cây và chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phơi khô trong mặt bằng sử dụng đất của Dự án, sau đó tiến hành đốt, phần tro đốt được tận dụng bón cho cây xanh tại Dự án.

- Bùn thải: Phát sinh từ hồ thu gom, bể tự hoại, được Chủ dự án thuê với đơn vị có chức năng thu hút vận chuyển đi xử lý; bùn thải nạo vét rãnh thoát nước hồ ga được phối trộn với tro thải từ hoạt động đốt rác thải sinh hoạt và tận dụng làm phân bón cho cây xanh trong khu vực Dự án.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.1. Thiết bị lưu chứa.

Gồm 09 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 20 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa.

- Các thùng đựng rác được đặt trong nhà có mái che, cụ thể: 03 thùng chứa rác tại khu vực nhà máy; 03 thùng chứa rác tại khu vực nhà bếp và 3 thùng chứa rác tại khu vực vận hành cửa thu nước.

- Biện pháp xử lý: Phân loại rác thải sinh hoạt thành 3 loại là chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải nguy hại; chất thải rắn còn lại.

+ Chất thải có khả năng tái chế (gồm: Giấy, chai, lọ, kim loại,...) được thu gom bằng 03 thùng nhựa, dung tích 20 lít; định kỳ 06 tháng/lần bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

+ Chất thải có khả năng tái sử dụng (gồm: Thức ăn thừa, rau củ quả thừa,...) được thu gom bằng 03 thùng nhựa, dung tích 20 lít; sau đó cho công nhân hoặc dân địa phương tận dụng làm thức ăn chăn nuôi.

+ Chất thải rắn sinh hoạt còn lại (gồm: Vỏ hộp xốp, túi nilon, cao su,...) được thu gom bằng 03 thùng nhựa, dung tích 20 lít và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định, với tần suất 02 ngày/lần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

1. Theo dõi thường xuyên đập dâng, hồ chứa và hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ, vùng hạ du hồ chứa trong quá trình vận hành Nhà máy; thường xuyên kiểm tra, giám sát xói lở dọc hai bờ sông Quây Sơn phía thượng lưu lòng

hồ, các kênh dẫn trong quá trình vận hành Nhà máy để kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do xói lở gây ra.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 705 /GPMT-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

Theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 91/QĐ-HĐTĐ ngày 19/4/2007 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Thủy điện Bản Rạ, địa điểm xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; các công trình xử lý, bảo vệ môi trường không nêu cụ thể, chi tiết. Tuy nhiên, qua kết quả kiểm tra, thẩm định cấp Giấy phép môi trường của Dự án cho thấy: Công ty cơ bản đã xây dựng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường để xử lý các nguồn thải phát sinh của Dự án theo quy định; đối với hạng mục công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố dầu thải Trạm biến áp cần phải tiếp tục xây dựng bổ sung và yêu cầu thực hiện hoàn thành trong tháng 8/2025.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

1. Thực hiện phân loại, quản lý, xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, giảm thiểu khối lượng chất thải cần phải chuyển giao; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2. Tuân thủ các quy định về quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/05/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

3. Thực hiện giám sát các thông số thủy văn phục vụ cho việc vận hành xả lũ; thường xuyên theo dõi hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ và vùng hạ du hồ

chứa để có phương án ứng phó sự cố trong quá trình Dự án đi vào vận hành.

4. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

5. Trường hợp Dự án thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định; đề nghị Chủ dự án nghiên cứu, thực hiện các nội dung quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các số liệu sử dụng của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.